

Số: /TB-QTTNMT

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá làm cơ sở lập dự toán Nhiệm vụ: Quan trắc thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025;

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh mời các đơn vị có chức năng xem xét, báo giá cho một hoặc các nội dung thuộc Nhiệm vụ: Quan trắc thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024, như sau:

1. Nội dung báo giá

1.1. Phân tích mẫu nước mặt thuộc kế hoạch quan trắc liên vùng trên sông Vàm Cỏ Đông (Phụ lục 1 kèm theo).

1.2. Phân tích mẫu nước mặt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024 (Phụ lục 2 kèm theo).

1.3. Phân tích mẫu nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024 (Phụ lục 3 kèm theo).

1.4. Phân tích mẫu không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024 (Phụ lục 4 kèm theo).

1.5. Phân tích mẫu đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024 (Phụ lục 5 kèm theo).

1.6. Phân tích mẫu thủy sinh và trầm tích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024 (Phụ lục 6 kèm theo).

2. Địa điểm và thời gian nộp báo giá

2.1. Địa điểm nộp báo giá:

Các đơn vị nộp báo giá (báo giá phải là bản gốc được ký tên, đóng mộc đỏ, ghi ngày tháng báo giá) gửi đến Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: Số 606 đường 30/4 phường 3, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Thời gian nộp báo giá:

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh sẽ tiếp nhận báo giá của các đơn vị trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo này được đăng tải trên trang web của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tại địa chỉ <http://sotnmt.tayninh.gov.vn>.

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh thông báo đến các đơn vị có chức năng quan tâm chào giá phụ vụ công tác lập dự toán thực hiện nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- VP.ĐKĐĐ (công khai trên web Sở);
- BGĐ Sở TN&MT;
- Văn phòng Sở, P. KHTC Sở, P. BVMT Sở;
- BGĐ TTQTTNMT;
- Lưu: VT, TTQTTNMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số /TB-QTTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Thông số quan trắc	ĐVT	Khối lượng
1	pH	Chỉ tiêu	32
2	DO	Chỉ tiêu	32
3	COD	Chỉ tiêu	32
4	Nhiệt độ	Chỉ tiêu	32
5	Độ đục	Chỉ tiêu	56
6	BOD ₅	Chỉ tiêu	32
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Chỉ tiêu	32
8	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	Chỉ tiêu	32
9	Photphat (PO ₄ ³⁻)	Chỉ tiêu	56
10	Coliform	Chỉ tiêu	56
11	Độ dẫn điện (EC)	Chỉ tiêu	56
12	Clorua (Cl ⁻)	Chỉ tiêu	56
13	Nitrat (NO ₃ ⁻)	Chỉ tiêu	32
14	Nitrit (NO ₂ ⁻)	Chỉ tiêu	56
15	Xyanua (CN ⁻)	Chỉ tiêu	56
16	Tổng dầu, mỡ	Chỉ tiêu	56
17	Chất hoạt động bề mặt	Chỉ tiêu	56
18	Hóa chất BVTV nhóm Clo hữu cơ	Chỉ tiêu	56
19	Hóa chất BVTV nhóm Phospho hữu cơ	Chỉ tiêu	56
20	Hóa chất trừ cỏ	Chỉ tiêu	56
21	Thủy ngân (Hg)	Chỉ tiêu	56
22	Chì (Pb)	Chỉ tiêu	56
23	Sắt (Fe)	Chỉ tiêu	56
24	Asen (As)	Chỉ tiêu	56
25	E.Coli	Chỉ tiêu	56

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông báo số /TB-QTTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Thông số quan trắc	ĐVT	Khối lượng
1	pH	Chỉ tiêu	512
2	DO	Chỉ tiêu	512
3	COD	Chỉ tiêu	512
4	Nhiệt độ	Chỉ tiêu	512
5	Độ đục	Chỉ tiêu	572
6	BOD ₅	Chỉ tiêu	512
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Chỉ tiêu	512
8	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	Chỉ tiêu	512
9	Photphat (PO ₄ ³⁻)	Chỉ tiêu	572
10	Coliform	Chỉ tiêu	572
11	Độ dẫn điện (EC)	Chỉ tiêu	572
12	Clorua (Cl ⁻)	Chỉ tiêu	572
13	Nitrat (NO ₃ ⁻)	Chỉ tiêu	512
14	Nitrit (NO ₂ ⁻)	Chỉ tiêu	572
15	Xyanua (CN ⁻)	Chỉ tiêu	572

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông báo số /TB-QTTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Thông số quan trắc	ĐVT	Khối lượng
1	pH	Chỉ tiêu	204
2	Nhiệt độ	Chỉ tiêu	204
3	TDS	Chỉ tiêu	204
4	Chỉ số Pemanganat (COD)	Chỉ tiêu	204
5	Coliform	Chỉ tiêu	204
6	Nitrit (NO ₂ ⁻)	Chỉ tiêu	204
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	Chỉ tiêu	204
8	Sắt (Fe)	Chỉ tiêu	204
9	Asen	Chỉ tiêu	204
10	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	Chỉ tiêu	204
11	E.Coli	Chỉ tiêu	204

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông báo số /TB-QTTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Thông số quan trắc	ĐVT	Khối lượng
1	Nhiệt độ	Chỉ tiêu	192
2	Độ ẩm tương đối	Chỉ tiêu	192
3	Tốc độ gió	Chỉ tiêu	192
4	Hướng gió	Chỉ tiêu	192
5	Cường độ dòng xe	Chỉ tiêu	204
6	Áp suất	Chỉ tiêu	192
7	SO ₂	Chỉ tiêu	192
8	CO	Chỉ tiêu	192
9	NO ₂	Chỉ tiêu	192
10	Pb - Chì	Chỉ tiêu	204
11	Bụi tổng TSP	Chỉ tiêu	192
12	Độ ồn	Chỉ tiêu	204
13	Ozone (O ₃)	Chỉ tiêu	192
14	Hydrosunfua (H ₂ S)	Chỉ tiêu	6
15	Amoniac (NH ₃)	Chỉ tiêu	6
16	Mercaptan (CH ₃ SH)	Chỉ tiêu	6
17	Benzen (C ₆ H ₆)	Chỉ tiêu	90
18	Bụi PM _{2,5}	Chỉ tiêu	78
19	Bụi PM ₁₀	Chỉ tiêu	78
20	Xylen (C ₆ H ₅ CH ₃)	Chỉ tiêu	90
21	Toluen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	Chỉ tiêu	90

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông báo số /TB-QTTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Thông số quan trắc	ĐVT	Khối lượng
I	Phân tích mẫu		
1	Asen (As)	Chỉ tiêu	40
2	Đồng (Cu)	Chỉ tiêu	40
3	Kẽm (Zn)	Chỉ tiêu	40
4	Chì (Pb)	Chỉ tiêu	40
5	Cadimi (Cd)	Chỉ tiêu	40
6	Dư lượng thuốc BVTV: Diazinon, Fenobucarb, Isoprothiolane, Metolachlor, MPCA.	Chỉ tiêu	6
II	Phá mẫu phân tích		
1	Phá mẫu phân tích kim loại	Chỉ tiêu	44

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Thông báo số /TB-QTTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Thông số quan trắc	ĐVT	Khối lượng
1	Phiêu sinh thực vật (định tính và định lượng)	Chỉ tiêu	14
2	Phiêu sinh động vật (định tính và định lượng)	Chỉ tiêu	14
3	Động vật đáy (định tính và định lượng)	Chỉ tiêu	14
4	Pb	Chỉ tiêu	14
5	As	Chỉ tiêu	14
6	Cd	Chỉ tiêu	14
7	Zn	Chỉ tiêu	14
8	Hg	Chỉ tiêu	14
9	Thuốc BVTV gốc Clo hữu cơ	Chỉ tiêu	14
10	Thuốc BVTV gốc photpho hữu cơ	Chỉ tiêu	14